

Số: /BC-UBND

Lục Bình, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP

Thực hiện Văn bản số 1717/UBND-TP ngày 14/8/2023 của UBND huyện Bạch Thông về việc báo cáo tình hình thực hiện Nghị định 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. UBND xã Lục Bình báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả tổ chức triển khai thực hiện 02 Nghị định

1.1. Ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện 02 Nghị định: Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của cấp trên, UBND xã đã xây dựng các kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị định 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

1.2. Tổ chức quán triệt nhiệm vụ thực hiện và phổ biến nội dung của các Nghị định: Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân xã đã cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn do tỉnh, huyện tổ chức. Đối với việc triển khai tại địa phương UBND xã đã tổ chức phổ biến, triển khai nội dung của 02 Nghị định lồng ghép trong các hội nghị giao ban của xã cho đội ngũ cán bộ, công chức xã.

2. Kết quả thực hiện cụ thể 02 Nghị định

2.1. Kết quả lập đề nghị xây dựng VBQPPL (bao gồm lập đề nghị theo quy trình đơn giản và lập đề nghị theo quy định chính sách): Trong kỳ báo cáo thực hiện theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân xã đã lập đề nghị xây dựng 04 VBQPPL các đề nghị đều đảm bảo chất lượng theo hướng dẫn và quy định.

2.2. Kết quả soạn thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền ban hành và kết quả ban hành văn bản theo thẩm quyền: Trong kỳ báo cáo thực hiện theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, UBND xã đã ban hành 04 văn bản VBQPPL theo thẩm quyền bao gồm 04 Quyết định UBND cụ thể:

- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND, ngày 01/9/2016 của UBND xã về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Lục Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021;

- Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 07/9/2021 của UBND xã về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Lục Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026;

- Quyết định số 351/2022/QĐ-UBND, ngày 28/10/2022 của UBND xã về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 ban hành theo Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã Lục Bình;

- Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND xã về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Lục Bình;

- Về chất lượng văn bản đã soạn thảo và ban hành: Đảm bảo theo quy định.

2.3. Lý do đã đạt được các kết quả, trong đó tập trung đánh giá lý do từ ưu điểm của 02 Nghị định: Để đạt được những kết quả trên là nhờ có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, chính quyền địa phương và sự hướng dẫn của UBND huyện, phòng Tư pháp huyện; Quy định rõ ràng của 02 Nghị định trên và tinh thần trách nhiệm của công chức trong công tác tham mưu.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế trong lập đề nghị xây dựng văn bản

1.1. Trong việc lập hồ sơ đề nghị, đặc biệt là trong việc đánh giá tác động của chính sách (như thời hạn hoàn thành và chất lượng của đề nghị xây dựng văn bản và các tài liệu kèm theo): Việc lập hồ sơ đề nghị, đặc biệt là trong việc đánh giá tác động của chính sách ở cơ sở còn lúng túng.

1.2. Trong việc lấy ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản: Không có

1.3. Trong việc thẩm định đề nghị xây dựng văn bản: Không có

1.4. Trong việc chỉnh lý, trình đề nghị xây dựng văn bản: Không có

1.5. Trong việc xem xét, thông qua đề nghị xây dựng văn bản: Không có

2. Tồn tại, hạn chế trong soạn thảo, ban hành văn bản

2.1. Trong việc xây dựng dự thảo văn bản và các tài liệu kèm theo (báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với các văn bản mà Luật yêu cầu phải đánh giá tác động của chính sách trong giai đoạn soạn thảo; bản rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bản đánh giá tác động của thủ tục hành chính, báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới): Còn hạn chế

2.2. Trong việc lấy ý kiến về dự án, dự thảo văn bản (đối tượng, hồ sơ, hình thức, thời hạn lấy ý kiến, thời hạn trả lời, việc giải trình, tiếp thu và phản hồi ý kiến ...): Không có

2.3. Trong việc thẩm định dự án, dự thảo văn bản (Thời hạn và chất lượng thẩm định dự thảo văn bản của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp). Không có ý kiến

2.4. Trong việc trình dự án, dự thảo đến các cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua hoặc ký ban hành (hồ sơ trình, thời hạn trình hồ sơ, cách thức tổ chức xem xét, thông qua, ký ban hành văn bản). Không có

III. NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân chủ quan

1.1. Nguyên nhân về mặt nhận thức: Còn có cán bộ, công chức chưa nhận thức được tầm quan trọng trong công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL.

1.2. Nguyên nhân về ý thức trách nhiệm: Tổ soạn thảo khi được giao nhiệm vụ đã rất ý thức về trách nhiệm, tuy nhiên chưa đi sâu để nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách và đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong quá trình soạn thảo.

1.3. Nguyên nhân về trình độ, năng lực và cách thức tổ chức thực hiện công việc: Các thành viên tổ soạn thảo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác này, mặt khác do chưa được đào tạo cơ bản về công tác soạn thảo văn bản QPPL vì vậy năng lực còn hạn chế.

1.4. Nguyên nhân về khâu phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ: Không có

2. Nguyên nhân khách quan

2.1. Nguyên nhân do khối lượng và tính chất của văn bản được giao chủ trì xây dựng hoặc ban hành: Văn bản QPPL của cấp xã rất ít vì vậy các thành viên Tổ soạn thảo chưa dành nhiều thời gian để nghiên cứu, cập nhật văn bản mới dẫn đến khi được giao nhiệm vụ thì phải nghiên cứu, cập nhật lại văn bản nên tốn nhiều thời gian.

2.2. Nguyên nhân do cơ chế phân công nhiệm vụ hiện nay: Không có

2.3. Nguyên nhân do điều kiện về cơ sở vật chất: Không có

3. Nguyên nhân từ quy định của 2 Nghị định

(Nêu cụ thể các quy định không rõ ràng, cụ thể; bất hợp lý; không phù hợp với thực tiễn; không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nêu điều, khoản đi kèm cụ thể).

3.1. Các quy định về giai đoạn lập đề nghị xây dựng văn bản

- Quy định về xây dựng nội dung chính sách (Điều 5 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP); các tác động cần phải đánh giá (Điều 6) có hợp lý và phù hợp với quy định tại Điều 35 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) hay không?: Hợp lý và phù hợp.

- Quy định về lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản (Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) có hợp lý không, ví dụ như có cần yêu cầu lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và VCCI đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh?: Hợp lý

- Quy định về trình tự đề nghị xây dựng văn bản (Điều 17 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP): như quy định thời hạn đề nghị hoàn thiện hồ sơ và thời hạn đề xuất đưa vào phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quá dài không?: Phù hợp không quá dài.

3.2. Các quy định về giai đoạn soạn thảo văn bản

- Về Ban soạn thảo, Tổ biên tập (Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP): đánh giá quy định về các trường hợp thành lập, thời điểm thành lập, thành phần, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động và mối quan hệ của Ban soạn thảo với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản (ví dụ như có nhất thiết mọi trường hợp thành lập Ban soạn thảo đều phải lập ra Tổ biên tập hay có thể sử dụng bộ phận thường trực của đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo? ...): Đang phù hợp giữ nguyên quy trình

- Về xử lý hồ sơ dự án, dự thảo văn bản tại Văn phòng Chính phủ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Điều 33 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP): đánh giá tính

hợp lý của quy định tại Điều này, ví dụ như các thời hạn quy định tại Điều này có hợp lý không?: Đang phù hợp giữ nguyên thời hạn theo quy định hiện hành.

- Về thẩm định dự án, dự thảo văn bản (Mục 2 Chương IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP): đánh giá tính hợp lý và khả thi của các Điều tại Mục này, nhất là quy định về thời hạn đề nghị bổ sung hồ sơ, thời hạn bổ sung hồ sơ; thời hạn gửi hồ sơ cho các thành viên Hội đồng thẩm định: Đang phù hợp giữ nguyên thời hạn bổ sung hồ sơ và gửi hồ sơ.

3.3. Quy định về trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản: Về trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản (Điều 37 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP): đánh giá về sự cần thiết và tính hợp lý, khả thi của nội dung quy định tại Điều này (như quy định về các nội dung của văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn; về thời hạn Bộ trưởng Bộ Tư pháp phải có ý kiến bằng văn bản ...): Đã phù hợp.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất với các cơ quan

- Quốc hội: Không có
- Chính phủ: Không có
- Bộ, ngành: Không có
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân: Không có

2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu có) đối với các quy định của 02 Nghị định. Không có

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của UBND xã Lục Bình./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Phòng Tư pháp huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Trang TTĐT xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Công chức TP-HT xã;
- Lưu: VP UBND xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hậu